

**BÁO CÁO**

**Sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”**

-----

Thực hiện Công văn số 3204-CV/BKTTW, ngày 24/3/2023 của Ban Kinh tế Trung ương về việc xây dựng báo cáo sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp” (viết tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

***Phần thứ nhất***

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW**

**I. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW**

**1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW**

- Ngay sau khi Nghị quyết số 27-NQ/TW được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 27-NQ/TW, đồng thời ban hành Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 10/10/2018 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW (viết tắt là Kế hoạch số 64-KH/TU) trên địa bàn tỉnh.

- Các cấp ủy, chính quyền đã tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cải cách chính sách tiền lương đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đưa nội dung nghị quyết và các kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh lên website các cơ quan, đơn vị nhằm tuyên truyền, thông báo, tạo sự đồng thuận trong nhận thức và hành động.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền tới toàn thể tầng lớp nhân dân, tạo đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách tiền lương.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức và phối hợp tổ chức các đợt tập huấn, tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp, người sử dụng lao động biết, chủ động thực hiện việc điều chỉnh hoặc xây dựng lại thang, bảng lương phù hợp với quy định của pháp luật, làm cơ sở trả lương và thực hiện các chế độ khác có liên quan cho người lao động; trong đó, đặc biệt chú trọng đến các nội dung như: Việc tiếp tục thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp

đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc các thỏa thuận hợp pháp khác có lợi hơn cho người lao động.

## **2. Ban hành kế hoạch, chương trình hành động và các văn bản có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW**

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 64-KH/TU, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 219/KH-UBND, ngày 11/01/2019 để cụ thể hóa các giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; trong đó, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp cụ thể, giao nhiệm vụ đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thực hiện đồng bộ, hiệu quả, tiến tới cải cách chính sách tiền lương theo đúng quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nội dung cải cách mà Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đề ra.

## **II. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW**

### **1. Kết quả xây dựng và hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong khu vực công của địa phương**

#### **1.1. Đối với cơ quan hành chính**

Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 2037/QĐ-BNV, ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính của tỉnh Lâm Đồng, gồm: 32 cơ quan và 317 vị trí việc làm. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt, UBND tỉnh đã ban hành bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm cho 32 đơn vị thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh (sở, ban, ngành) và UBND cấp huyện; đồng thời, giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, bố trí, sử dụng công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

#### **1.2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập**

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại buổi làm việc với UBND tỉnh Lâm Đồng và quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP, ngày 10/10/2016 của Chính phủ về Kết luận tại phiên họp thường kỳ tháng 9/2016; trong đó, thống nhất giao việc phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp về UBND tỉnh. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của 21 sở, ban, ngành và 12 UBND cấp huyện; đồng thời, giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại bộ máy các cơ quan, đơn vị; căn cứ vị trí việc làm và đề xuất của các cơ quan, đơn vị về điều chỉnh danh mục vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành; UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm thay thế những vị trí việc làm không còn phù hợp. Việc điều chỉnh vị trí việc làm được kịp thời triển khai, hướng dẫn và đảm bảo theo đúng quy định.

- Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV, ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 13/2022/TT-BNV, ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức và một số bộ, ngành đã ban hành thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức tại chính quyền địa phương. UBND tỉnh đã triển khai đến các ngành, địa phương căn cứ, xây dựng, điều chỉnh đề án vị trí việc làm đảm bảo phù hợp, đồng bộ theo đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các bộ chuyên ngành. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết bộ, ngành chưa ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương nên các cơ quan, đơn vị vẫn đang áp dụng theo đề án vị trí việc làm cũ, chưa đủ cơ sở để trình điều chỉnh đề án vị trí việc làm theo quy định mới.

## **2. Kết quả thực hiện các giải pháp tài chính, ngân sách tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương**

### ***2.1. Triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước (NSNN) theo hướng bảo đảm tổng nguồn thu và cơ cấu thu bền vững***

- Công tác thu ngân sách đã có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan thuế và cơ quan tài chính trong việc triển khai thực hiện các chính sách thuế; Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Cục Thuế tỉnh thường xuyên phối hợp với các sở, ngành và các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, thực hiện tốt các quy chế phối hợp quản lý thuế; kịp thời rà soát, báo cáo UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo về công tác quản lý thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp về chỉ đạo, điều hành thu NSNN theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh, các sở, ngành và địa phương có liên quan đã phân đầu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách hàng năm, song song với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững, ổn định cho NSNN.

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương đã phối hợp cơ quan thuế thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với các tổ chức cá nhân kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh thương mại điện tử; triển khai và thực hiện có hiệu quả các đề án quản lý thu thuế đã được UBND tỉnh phê duyệt. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách để rà soát, đánh giá, phân tích cụ thể những lĩnh vực, địa bàn có tiến độ thu còn chậm để kịp thời đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả.

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND, ngày 08/12/2016 để quy định cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã phù hợp để các cấp ngân sách chủ động trong cân đối ngân sách để phát triển kinh tế - xã hội.

### ***2.2. Việc thực hiện trích 50% tăng thu dự toán và 70% tăng thu của ngân sách địa phương để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (CCTL)***

Hàng năm, tỉnh thực hiện đầy đủ việc trích 50% tăng thu dự toán và 70% tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương trích để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, cụ thể:

- Nguồn CCTL năm 2019: 402.471 triệu đồng, gồm 50% tăng thu dự toán 2019 so với dự toán 2018, số tiền: 381.200 triệu đồng; 50% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2019: 21.271 triệu đồng (theo quy định tại

*Thông tư số 46/2019/TT-BTC, ngày 23/7/2019 của Bộ Tài chính đã được UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 7516/UBND-TH<sub>2</sub>, ngày 15/11/2019).*

- Nguồn CCTL năm 2020: 254.366 triệu đồng, gồm: 50% tăng thu dự toán năm 2020 so với dự toán năm 2019: 195.850 triệu đồng (*theo số liệu được UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 2721/UBND-TH<sub>3</sub>, ngày 04/5/2021*) và 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2019, số tiền 58.516 triệu đồng.

- Nguồn CCTL năm 2021: Dự toán thu ngân sách địa phương năm 2021 thấp hơn dự toán thu ngân sách địa phương năm 2020 (sau khi trừ các khoản thu không phải trích tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương); đồng thời, năm 2020 thu ngân sách địa phương hụt thu so với dự toán nên không có nguồn để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

- Nguồn CCTL năm 2022: 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2021, số tiền 1.546.848 triệu đồng (*theo số liệu Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 963/STC-NS ngày 21/4/2023*).

**2.3. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước; thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm hằng năm cho đến khi thực hiện khoán quỹ tiền lương trên cơ sở biên chế được cấp có thẩm quyền giao: Hàng năm, tỉnh thực hiện đầy đủ tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách địa phương để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, cụ thể:**

- Năm 2019: 23.970 triệu đồng (*theo số liệu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 7516/UBND-TH<sub>2</sub>, ngày 15/11/2019*).

- Năm 2020: 53.170 triệu đồng (*theo số liệu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 2721/UBND-TH<sub>3</sub>, ngày 04/5/2021*).

- Năm 2021: 38.009 triệu đồng (*theo số liệu Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 841/STC-NS, ngày 21/4/2022*).

- Năm 2022: 206.734 triệu đồng (*theo số liệu Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 963/STC-NS, ngày 21/4/2023*).

Bãi bỏ các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước như: Tiền bồi dưỡng hợp, tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, hội thảo... Thực hiện khoán quỹ lương gắn với mục tiêu tinh giản biên chế cho các cơ quan, đơn vị; mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Hàng năm, không bố trí dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị để chi bồi dưỡng hợp, tiền bồi dưỡng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, hội thảo..., các cơ quan, đơn vị sắp xếp, cân đối trong dự toán chi thường xuyên hàng năm để thực hiện; đồng thời, hàng năm trên cơ sở số lượng người làm việc được giao, các cơ quan, đơn vị được cấp kinh phí tiền lương và chi thường xuyên theo định mức và tự cân đối kinh phí hoạt động trong dự toán được giao.

**2.4. Về tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công; từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu; đồng thời, gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách. Đối với giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, giao**

quyền tự chủ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ tự quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính phải tự bảo đảm nguồn để thực hiện cải cách chính sách tiền lương; các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên, tiếp tục sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành Y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để bảo đảm nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập không có nguồn thu do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên phải thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

- Hàng năm, Sở Tài chính theo dõi và tổng hợp báo cáo nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành Y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí đã kết cấu vào giá dịch vụ), cụ thể:

- + Năm 2019: 74.396 triệu đồng (*theo số liệu được UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 7516/UBND-TH<sub>2</sub>, ngày 15/11/2019*).

- + Năm 2020: 77.677 triệu đồng (*theo số liệu được UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 2721/UBND-TH<sub>3</sub>, ngày 04/5/2021*).

- + Năm 2021: 43.431 triệu đồng (*theo số liệu được Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 841/STC-NS, ngày 21/4/2022*).

- + Năm 2022: 96.577 triệu đồng (*theo số liệu được Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tại Văn bản số 963/STC-NS, ngày 21/4/2023*).

## **2.5. Rà soát, phân loại các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ khác nhau về tài chính**

- Trong giai đoạn 2019-2021, các đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, ngày 14/6/2016, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, ngày 10/10/2016 và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP, ngày 15/10/2012 của Chính phủ. Kết quả thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2021, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đảm bảo theo các quy định nêu trên.

- Riêng năm 2022, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản số 9975/BTC-HCSN, ngày 30/9/2022 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP, ngày 05/9/2022 của Chính phủ, Sở Tài chính đã tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê phân loại mức tự chủ tài chính cho 128 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: 02 đơn vị.
- Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 12 đơn vị.
- Đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 53 đơn vị.

- Đơn vị sự nghiệp công lập nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 61 đơn vị.

**2.6.** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, chuyển các đơn vị sự nghiệp (đặc biệt là sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Thực hiện Nghị định số 150/2020/NĐ-CP, ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ); Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg, ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. UBND tỉnh Lâm Đồng đã báo cáo Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 4065/UBND-TH<sub>3</sub>, ngày 08/6/2022 về việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Văn bản số 2262/UBND-TH<sub>3</sub>, ngày 27/3/2023 về việc báo cáo, giải trình bổ sung một số nội dung liên quan đến việc xin chủ trương thực hiện chuyển đổi Nhà khách UBND tỉnh thành công ty cổ phần; theo đó, đề xuất Thủ tướng Chính phủ đưa ra khỏi danh sách chuyển thành công ty đối với 03 đơn vị và chưa thực hiện chuyển đổi đối với Nhà khách UBND tỉnh.

### **3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII và các đề án đổi mới, cải cách có liên quan tại địa phương**

#### **3.1. Công tác cải cách hành chính**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ và các chương trình, kế hoạch, văn bản về cải cách hành chính của Trung ương, của tỉnh và Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trên cơ sở những chủ trương, giải pháp cải cách hành chính của Trung ương và sự chỉ đạo, quán triệt thường xuyên của lãnh đạo UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã thường xuyên phổ biến, quán triệt sâu rộng đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn theo từng nội dung và bằng nhiều hình thức phong phú, thích hợp.

Ngày 25/5/2022, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 12-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2827/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 2260/QĐ-UBND, ngày 08/9/2021 về kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025. Nội dung các kế hoạch đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Hàng năm, UBND tỉnh đều ban hành các kế hoạch cải cách hành chính nhằm cụ thể hóa việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 của tỉnh. Các kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND tỉnh đã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung công việc cụ thể gắn với việc xác định rõ trách nhiệm cơ quan thực hiện, sản phẩm, thời gian hoàn thành; xác định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính tại đơn vị gắn với việc bình xét công tác thi đua khen thưởng; đồng thời, yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị và tổ chức thực hiện đạt kết quả.

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh thể hiện qua kết quả Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh hàng năm do Bộ Nội vụ công bố như sau: Năm 2018: 47/63 (74,90%), Năm 2019: 40/63 (80,66%); Năm 2020: 32/63 (83,93%); Năm 2021: 29/63 (86,75%); Năm 2022: 15/63 (86,72%).

**3.2. *Đổi mới, tinh giản, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các đơn vị sự nghiệp công lập; việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức***

**3.2.1. *Về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện***

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các văn bản của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, nhất là Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Qua thực hiện, đã tinh giảm 180/1.382 biên chế, với tỷ lệ 13,02%; sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm 01 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; giảm 67 phòng, ban và tương đương thuộc các cơ quan cấp tỉnh; giảm 11 phòng, ban chuyên môn cấp huyện; giảm 333 lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị (*cấp huyện 162 người; cấp tỉnh 171 người*); giảm 400 lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập (*cấp trưởng 135 người, cấp phó 265 người*). Kịp thời chỉ đạo sơ kết, tổng kết một số mô hình thí điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII...

**3.2.2. *Về rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập***

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Kế hoạch số 49-KH/TU, ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3898/KH-UBND, ngày 26/6/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”; trong đó, xác định rõ nhiệm vụ chung cũng như nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; từ đó, đề ra kế hoạch thực hiện đạt hiệu quả cao nhất; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW; đến nay, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 742 đơn vị, giảm 89 đơn vị, tương ứng giảm 10,7% so với năm 2015 (831 đơn vị).

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đang từng bước thực hiện nâng dần mức độ tự chủ của đơn vị để giảm dần chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước, chủ động sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động, phát triển nguồn thu.

### *3.2.3. Về quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức, thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức*

Việc quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức đảm bảo đúng theo quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu nhiệm vụ. Trong những năm qua, tỉnh Lâm Đồng thực hiện giao biên chế công chức và viên chức trong tổng số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc thẩm định, thực hiện chủ trương tinh giản biên chế đúng theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Giai đoạn 2015-2021: Đến năm 2021, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện tinh giản biên chế đạt mục tiêu giảm 10% biên chế so với năm 2015, cụ thể:

+ Biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước được cấp có thẩm quyền giao cho địa phương năm 2021 là 2.502 biên chế, giảm 282 biên chế (sau khi chuyển 43 biên chế về Bộ Công Thương và bổ sung 07 biên chế công chức để thực hiện sáp nhập Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh), tương ứng giảm 10% so với năm 2015 (2.773 người).

+ Số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021 đã được Bộ Nội vụ giao là 26.322 người, giảm 2.925 người so với năm 2015 (số được giao năm 2015 là 29.045 người, năm 2019 được giao bổ sung 202 người), tương ứng giảm 10% so với số giao năm 2015 và số giao bổ sung năm 2019.

- Giai đoạn 2022-2025: Triển khai thực hiện thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 06/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh giai đoạn 2022-2026; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND, ngày 04/01/2023 về quản lý biên chế công chức, viên chức của chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2026. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở tinh giản biên chế theo từng năm và đảm bảo đến năm 2026 tổng biên chế của toàn tỉnh tinh giản tối thiểu 5% biên chế công chức và tối thiểu 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với số biên chế được giao năm 2022 (năm 2022, tỉnh Lâm Đồng được giao 2.509 biên chế công chức và 26.322 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước). Đến năm 2026, số biên chế cán bộ, công chức của khối chính quyền tỉnh Lâm Đồng là 2.384 biên chế (giảm 125 biên chế so với năm 2022), biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Lâm Đồng là 23.690 biên chế (giảm 2.632 biên chế so với năm 2022).

## **4. Về tình hình thực hiện chính sách tiền lương đối với người lao động trong doanh nghiệp**



- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các chính sách về tiền lương đến các huyện, thành phố và đơn vị, doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021); theo đó, các doanh nghiệp không phải gửi, đăng ký thang lương, bảng lương và định mức lao động với cơ quan nhà nước mà trên cơ sở thỏa thuận mức lương với người lao động, tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở), phải đảm bảo mức lương tối thiểu theo quy định và phải được công bố công khai tại nơi làm việc trước khi thực hiện. Triển khai thực hiện mức lương tối thiểu vùng theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP, ngày 15/11/2019 và Nghị định số 38/2022/NĐ-CP, ngày 12/6/2022 của Chính phủ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện rà soát, làm cơ sở đề xuất điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở văn bản quy định điều chỉnh mức lương của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành Trung ương.

- Chính sách tiền lương trong khu vực doanh nghiệp đã từng bước thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước giảm dần sự can thiệp hành chính, quản lý tiền lương thông qua quy định mức lương tối thiểu vùng là mức sàn thấp nhất để bảo vệ người lao động yếu thế. Thay đổi cơ chế xác lập mức lương tối thiểu vùng, từ ấn định của Nhà nước sang dựa trên kết quả thương lượng ba bên.

- Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 09 công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (08 công ty Lâm nghiệp và 01 công ty Xổ số kiến thiết) và 01 Quỹ Đầu tư phát triển (thực hiện chế độ tiền lương như công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước). Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hàng năm tiến hành kiểm tra, thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện và kế hoạch đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Quy định tiền lương của người quản lý được xác định gắn với quy mô, mức độ phức tạp của quản lý (hạng doanh nghiệp) tương ứng với mức lương cơ bản và hệ số điều chỉnh tăng thêm gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh (theo năng suất lao động, lợi nhuận).

- Đối với công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối: Hiện tại tỉnh có 03 công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối (Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt, Công ty cổ phần Xây dựng và Cấp thoát nước Bảo Lộc, Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc): Thực hiện quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, ngày 13/6/2016 của Chính phủ; UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hàng năm tiến hành kiểm tra, tham mưu, trình UBND cho ý kiến về lao động, tiền lương để người đại diện phần vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối có ý kiến với Hội đồng quản trị công ty.

## **5. Đánh giá chung**

### **5.1. Kết quả đạt được**

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kế hoạch số 64-KH/TU của Tỉnh ủy đã có sự chuyển biến đáng kể, nhận thức của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị về chính sách tiền lương được nâng lên rõ rệt.

- Công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kế hoạch số 64-KH/TU đã có tác động tích cực đến nhận thức, trách nhiệm của người lao động trong việc thực hiện chính sách tiền lương. Chính sách tiền lương chung đối với khu vực doanh nghiệp hiện nay đã được đổi mới, hoàn thiện theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với yêu cầu thực tiễn, trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ của doanh nghiệp và người lao động trong thỏa thuận, quyết định về tiền lương. Nhà nước đã thực hiện đúng vai trò quản lý tiền lương thông qua quy định mức lương tối thiểu, hỗ trợ thương lượng, kiểm tra, giám sát, điều tiết theo cơ chế thị trường.

- Các cấp ủy, chính quyền đã tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện sáp nhập, giải thể các đơn vị hoạt động không hiệu quả. Thực hiện tinh giản biên chế theo mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, quản lý chặt chẽ biên chế đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị trên cơ sở phân loại tổ chức, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức và xác định vị trí việc làm một cách khoa học, sát thực tế.

- Thực hiện trích lập, theo dõi nguồn thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn tăng thu, nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên và nguồn thu để lại đơn vị đầy đủ, đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chi trả tiền lương và các chính sách theo lương theo quy định. Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương và các chính sách an sinh, xã hội khác; không xảy ra tình trạng chậm, nợ đọng chính sách.

- Thực hiện việc rà soát, phân loại và giao quyền tự chủ về tài chính để phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

### **5.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

- Các giải pháp trọng tâm để tiến tới cải cách chính sách tiền lương tuy đã triển khai, song cũng còn những hạn chế:

+ Việc điều chỉnh Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được triển khai đồng bộ do hầu hết các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức tại các ngành, lĩnh vực ở chính quyền địa phương.

+ Việc xác định số lượng người làm việc tương ứng với vị trí việc làm hiện nay còn đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai, mang tính định tính dẫn đến việc thiếu tính thuyết phục trong đề xuất số lượng người làm việc tương ứng với số lượng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị. Do vậy, phần nào ảnh hưởng đến việc sắp xếp biên chế, con người, tiền lương tương ứng với vị trí việc làm.

+ Chính sách và mức phụ cấp do Trung ương ban hành hiện nay đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, đặc biệt là mức sống và chi phí sinh hoạt tối

thiếu đã tăng cao hơn rất nhiều so với tiền lương và phụ cấp của cán bộ, công chức, viên chức; mặt khác khối lượng công việc ngày càng nhiều, áp lực cao. Do đó, dẫn đến hiện tượng “chảy máu chất xám” trong khu vực công khi có một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức xin nghỉ việc do thu nhập hiện nay chưa đảm bảo cuộc sống, nhất là viên chức y tế, lực lượng quản lý bảo vệ rừng...

- Vấn đề thương lượng tiền lương giữa người lao động và người sử dụng lao động nhìn chung chưa phát huy được tác dụng, kém hiệu quả, tranh chấp lao động về tiền lương còn phổ biến.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính giai đoạn 2020-2022:

- + Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập. Do đó, việc đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ không đảm bảo được tính đầy đủ, khách quan, ảnh hưởng đến việc xác định mức độ tự chủ của các đơn vị. Một số nhóm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá thể thao và du lịch, lao động - thương binh và xã hội do một số tính đặc thù của ngành nghề nên khó tăng mức tự chủ.

- + Việc xây dựng đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở để đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 của Chính phủ đang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công do các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành được định mức kinh tế - kỹ thuật. Vì vậy, các sở, ngành, địa phương chưa có cơ sở để xây dựng đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở để đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Công tác chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh chưa triển khai thực hiện được do Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt, phương án sử dụng nhà, đất và hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Do có sự thay đổi về cơ chế, chính sách nên việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện được:

- + Tại điểm h, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg, ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “h. Đào tạo và sát hạch lái xe (không hoạt động theo mô hình trường học)”. Trung tâm Đào tạo lái xe thuộc Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và sát hạch lái xe nhưng được tổ chức hoạt động theo mô hình trường học nên không thuộc danh mục ngành, lĩnh vực được chuyển đổi.

- + Tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg, ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan nghiên cứu, đánh giá chủ trương cổ phần hoá, tỷ lệ cổ phần do Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp khi chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, lĩnh vực: Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định xây dựng, kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông...; báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định để thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc trong tháng 11 năm 2021”.

Ngày 27/12/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 9224/BKHĐT-PTDN đề kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: “Trước mắt, trong giai đoạn 2021-2025, chưa thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, lĩnh vực Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; kiểm định xây dựng; Kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới...”. Vì vậy, đối với Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Lâm Đồng và Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng chưa thực hiện chuyển đổi trong giai đoạn 2021-2025.

- Việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là chủ trương lớn, thực hiện khó khăn, phức tạp và nhạy cảm liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, nhất là liên quan đến công tác nhân sự, do đó chưa thể làm ngay mà cần phải có thời gian, lộ trình cụ thể và phải có sự hướng dẫn của cấp trên, sự phối hợp đồng bộ của nhiều cấp, ngành.

- Một số văn bản Trung ương chậm sửa đổi, bổ sung, chậm ban hành nên việc rà soát sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện chưa thực hiện kịp thời.

- Việc cắt giảm biên chế giữa các địa phương chủ yếu thực hiện trên nguyên tắc cắt giảm theo tỷ lệ phần trăm mà chưa xem xét đến tình hình thực tế của mỗi địa phương (như sự khác nhau về mật độ dân cư, địa lý, dân tộc, kinh tế, văn hóa và hạ tầng kỹ thuật .... của mỗi vùng, miền) dẫn đến việc giao biên chế chưa đảm bảo sự cân đối, hợp lý giữa các địa phương.

- Trong quá trình thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ, tỉnh gặp một số khó khăn và vướng mắc như:

(1) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong từng ngành, lĩnh vực chưa được ban hành nên một số cơ quan, đơn vị còn bị động trong quá trình xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ, các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập hội đồng quản lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, cũng như chưa có văn bản quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý. Do đó, các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư còn gặp lúng túng trong việc lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý.

(3) Hiện nay, các bộ chưa có văn bản hướng dẫn định mức số lượng người làm việc theo ngành, lĩnh vực nên UBND tỉnh chưa chủ động trong việc giao số lượng người hưởng lương từ nguồn thu cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; dẫn đến việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại cũng như kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên gặp khó khăn.

(4) Hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập gặp khó khăn trong quá trình xây dựng Đề án tự chủ theo quy định tại khoản 1, Điều 25, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

## ***Phần thứ hai***

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI**

#### **I. Dự báo và bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời gian tới**

- Tình hình thế giới diễn biến hết phức tạp, khó lường, đặc biệt là căng thẳng xung đột giữa Nga - Ukraine. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, những vấn đề toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn so với dự báo trước đó, lạm phát ở nhiều nước, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy...

- Trong nước, thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn, thách thức. Biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của nước ta. Giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng; chuỗi cung ứng lao động trong nước chưa phục hồi, nguồn nhân lực lao động thiếu hụt tại một số thời điểm, ở một số địa phương ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Trong tỉnh, kinh tế - xã hội đạt những kết quả tích cực; tác động của việc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo đà phát triển toàn diện, bền vững cho địa phương; kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng nâng lên..., là điều kiện, động lực cho sự phát triển; tuy nhiên, bên cạnh đó tình hình kinh tế của tỉnh phát triển chưa bền vững, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; đời sống một bộ phận nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

#### **II. Nhiệm vụ, giải pháp**

Để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 27-NQ/TW và Kế hoạch số 64-KH/TU của Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội quyết tâm thực hiện hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết. Đồng thời triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu, nội dung của cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động; đổi mới tư duy, phương pháp, tạo sự đồng thuận cao ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người hưởng lương và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về chính sách tiền lương.

2. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của đảng viên, công chức về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất và đồng thuận khi tổ chức thực hiện. Xác định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân nhằm phát huy thế mạnh của mỗi thành viên trong tổ chức và sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong quá trình sắp xếp tổ chức thực hiện.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm,

trọng điểm, có lộ trình phù hợp với quyết tâm chính trị cao nhất; phải kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo và tinh giản biên chế.

4. Đẩy mạnh sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo lộ trình đã đề ra gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nguồn nhân lực. Tiếp tục chỉ đạo, triển khai xây dựng danh mục vị trí việc làm theo hướng dẫn của Trung ương tạo cơ sở để tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm và tiến tới chi trả lương theo vị trí việc làm.

5. Thực hiện tốt chính sách về tiền lương tối thiểu vùng theo tháng, theo giờ nhằm nâng cao độ bao phủ của tiền lương tối thiểu và đáp ứng tính linh hoạt của thị trường lao động; bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình, đặt trong mối quan hệ với các yếu tố của thị trường lao động và phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập; chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước.

6. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp cố tình né tránh, thực hiện không nghiêm túc nhiệm vụ được giao trong việc thực hiện cải cách tiền lương gắn với cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và vi phạm quy định của pháp luật về tiền lương.

7. Chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công, giảm áp lực chi lương từ ngân sách nhà nước.

### ***Phần thứ ba*** **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ thực tiễn triển khai những nhiệm vụ, giải pháp cải cách chính sách tiền lương trong thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng đề xuất các bộ, ngành Trung ương:

1. Ban hành Thông tư quy định về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức trong các ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương để thống nhất triển khai, phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công nhằm tuyển dụng, sử dụng, quản lý nguồn nhân lực tiến tới để chi trả lương theo vị trí việc làm.

2. Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có), ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

3. Hướng dẫn định mức số lượng người làm việc theo ngành, lĩnh vực để địa phương chủ động trong việc giao số lượng người hưởng lương từ nguồn thu cho các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên nhằm tạo cơ sở cho

việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại cũng như kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

4. Ban hành và áp dụng chính sách tiền lương mới theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; rà soát bãi bỏ, bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách hiện hành phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay và bảo đảm công bằng giữa các địa bàn, địa phương, ngành, nghề; nhất là quan tâm có chính sách hỗ trợ phù hợp cho viên chức Y tế, lực lượng quản lý bảo vệ rừng,...

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế Trung ương,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy, đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTVTU, Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**